

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
VIỄN ĐÔNG

MỤC LỤC

---- oOo ----

	Trang
1. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 03
2. BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	04
3. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	05 - 08
4. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	09
5. BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	10 - 11
6. BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	12 - 34

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị trân trọng đề trình báo cáo này cùng với các Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

1. Thông tin chung về Công ty

Thành lập

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300716891, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần, niêm yết chứng khoán.

Hoạt động kinh doanh của Công ty:

Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục tiểu học; Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục nhà trẻ; Đào tạo nghề; Giáo dục trung học chuyên nghiệp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo ngoại ngữ, tin học; Tư vấn du học.

Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi

Sản xuất sản phẩm cơ khí, thủ công mỹ nghệ; Sản xuất điện tử; Sản xuất nhựa (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại-nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mực in; Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa. Mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in. Dịch vụ thiết kế các thiết bị phục vụ sản xuất. Thiết kế thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in. Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất; Chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Gia công các sản phẩm kim loại. Sản xuất điện máy, điện lạnh.

Mua bán ô tô, phụ tùng thay thế; Mua bán xe gắn máy, phụ tùng thay thế. Sản xuất xe gắn máy, phụ tùng thay thế; Sản xuất ô tô, phụ tùng thay thế; Sản xuất linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe gắn máy; Sản xuất linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp; Sản xuất xe đạp, phụ tùng thay thế. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

Tên tiếng anh: SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: SAVITECH JSC.

Mã chứng khoán: SVT (Niêm yết HOSE)

Trụ sở chính: Số 102A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

2. Tình hình tài chính và kết quả hoạt động

Tình hình tài chính và kết quả hoạt động trong năm của Công ty được trình bày trong các báo cáo tài chính đính kèm.

3. Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính gồm có:

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Hội đồng Quản trị

Ông	Bùi Quang Khoa	Chủ tịch
Bà	Nguyễn Thị Thu	Phó Chủ tịch
Ông	Bùi Quang Minh	Ủy viên
Bà	Trần Thị Thanh Thủy	Ủy viên
Bà	Bùi Thị Ngọc Yến	Ủy viên

Ban Kiểm soát

Bà	Nguyễn Thị Thủy Tiên	Trưởng ban
Bà	Trần Thị Tình	Thành viên
Ông	Bùi Quang Toàn	Thành viên

Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

Bà	Phạm Thị Như Ngọc	Tổng Giám đốc
Bà	Nguyễn Thị Thu	Phó Tổng Giám đốc
Ông	Bùi Quang Minh	Giám đốc đầu tư phát triển
Bà	Mai Thị Trúc Giang	Kế toán trưởng

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính như sau:

Ông	Bùi Quang Khoa	Chủ tịch Hội đồng Quản trị
-----	----------------	----------------------------

4. Kiểm toán độc lập

Công ty TNHH Kiểm toán và Dịch vụ Tin học Tp. HCM (“AISC”) được chỉ định là kiểm toán viên cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

5. Cam kết của Hội đồng quản trị

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm lập các báo cáo tài chính thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021. Trong việc soạn lập các báo cáo tài chính này, Hội đồng Quản trị đã xem xét và tuân thủ các vấn đề sau đây:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở hoạt động liên tục, trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Hội đồng Quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán thích hợp đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính của Công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và làm cơ sở để soạn lập các báo cáo tài chính phù hợp với chế độ kế toán được nêu ở Thuyết minh cho các Báo cáo tài chính. Hội đồng Quản trị cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để phòng ngừa và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

6. Xác nhận

Theo ý kiến của Hội đồng Quản trị, chúng tôi xác nhận rằng các Báo cáo tài chính bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các Thuyết minh đính kèm được soạn thảo đã thể hiện quan điểm trung thực và hợp lý về tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

Báo cáo tài chính của Công ty được lập phù hợp với chuẩn mực và hệ thống kế toán Việt Nam.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

Thay mặt Hội đồng Quản trị



Bùi Quang Khoa

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ DỊCH VỤ TIN HỌC TP. HCM

Auditing And Informatic Services Company Limited

Head Office: 389A Dien Bien Phu Str., Ward 4, Dist.3, Ho Chi Minh City

Tel: (84.28) 3832 9129 (10 Lines)

Fax: (84.28) 3834 2957

Email: info@aisc.com.vn

Website: www.aisc.com.vn

Số: A0621304-R/AISC-DN6

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi:

QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 3 năm 2022, từ trang 05 đến trang 34, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022



KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Dương Thị Phương Anh

Số GCNĐKHNKT: 0321-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

KIỂM TOÁN VIÊN

Phạm Thị Thanh Mai

Số Giấy CNĐKHNKT: 1044-2018-005-1
Bộ Tài Chính Việt Nam cấp

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		48.896.537.183	48.614.521.203
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	332.819.992	11.208.912.233
1. Tiền	111		332.819.992	11.208.912.233
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		-	-
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		48.554.417.191	37.344.055.333
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	21.000.000	61.000.000
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132		56.525.000	48.275.000
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.4a	22.500.000.000	14.400.000.000
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5	26.002.892.191	22.860.780.333
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.3,5	(26.000.000)	(26.000.000)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.6	-	60.863.637
1. Hàng tồn kho	141		-	400.401.165
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	(339.537.528)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		9.300.000	690.000
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		9.300.000	690.000
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153		-	-
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		136.544.248.931	126.487.285.836
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		11.200.000.000	8.100.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215	V.4b	11.200.000.000	8.100.000.000
6. Phải thu dài hạn khác	216		-	-
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		299.202.404	393.995.984
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.8	299.202.404	393.995.984
- Nguyên giá	222		5.145.347.203	11.127.806.175
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(4.846.144.799)	(10.733.810.191)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227		-	-
- Nguyên giá	228		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		-	-
III. Bất động sản đầu tư	230	V.9	13.724.474.790	14.582.254.470
- Nguyên giá	231		22.865.196.201	22.865.196.201
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		(9.140.721.411)	(8.282.941.731)
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.7	834.212.730	834.212.730
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		834.212.730	834.212.730
V. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.2	110.474.322.652	102.576.822.652
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		90.724.500.000	82.827.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		19.749.822.652	19.749.822.652
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		12.036.355	-
1. Chi phí trả trước dài hạn	261		12.036.355	-
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		185.440.786.114	175.101.807.039

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		1.257.854.775	1.214.778.045
I. Nợ ngắn hạn	310		1.257.854.775	1.214.778.045
1. Phải trả cho người bán ngắn hạn	311		-	-
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		-	-
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.10	317.810.406	668.647.809
4. Phải trả người lao động	314		71.250.000	74.266.667
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315		26.000.000	25.000.000
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.11	328.404.919	206.147.119
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320		-	-
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		514.389.450	240.716.450
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		-	-
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338		-	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2021	01/01/2021
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		184.182.931.339	173.887.028.994
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.12	184.182.931.339	173.887.028.994
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		115.795.740.000	115.795.740.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		115.795.740.000	115.795.740.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		4.800.000.000	4.800.000.000
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.350.969.208	5.350.969.208
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		58.236.222.131	47.940.319.786
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		24.147.225.786	16.242.945.450
- LNST chưa phân phối năm nay	421b		34.088.996.345	31.697.374.336
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	422		-	-
II. Nguồn kinh phí, quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		185.440.786.114	175.101.807.039

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI LẬP BIỂU


Mai Thị Trúc Giang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ




Bùi Quang Khoa

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	108.993.553.693	88.115.415.228
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.2	108.993.553.693	88.115.415.228
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.3	106.573.088.703	85.712.415.134
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20		2.420.464.990	2.403.000.094
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.4	31.073.225.151	27.403.193.602
7. Chi phí tài chính	22	VI.5	27.140.909	(4.361.488.616)
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	25	VI.6a	244.259.324	345.103.114
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6b	1.346.531.462	1.257.109.549
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21 - 22) - (25 + 26))	30		31.875.758.446	32.565.469.649
11. Thu nhập khác	31	VI.7	3.618.154.546	104.036.367
12. Chi phí khác	32	VI.8	2.555.909	95.266.053
13. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.615.598.637	8.770.314
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		35.491.357.083	32.574.239.963
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.10	1.402.360.738	876.865.627
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60		34.088.996.345	31.697.374.336
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.11	2.944	2.683
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.11	2.944	2.683

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI LẬP BIỂU



Mai Thị Trúc Giang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Bùi Quang Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỆT ĐÔNG
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Mẫu số B 03 - DN

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		35.491.357.083	32.574.239.963
2. Điều chỉnh cho các khoản :				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.8,9	952.573.260	952.573.260
- Các khoản dự phòng	03	V.3,5,6	(339.537.528)	(6.793.814.089)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	-
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(34.691.288.787)	(27.475.920.875)
- Chi phí lãi vay	06		-	-
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.413.104.028	(742.921.741)
- Tăng (-), giảm (+) các khoản phải thu	09		16.790.418.005	(17.287.172)
- Tăng (-), giảm (+) hàng tồn kho	10		400.401.165	25.508.698
- Tăng (+), giảm (-) các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	11		(23.805.253)	(50.012.323)
- Tăng (-), giảm (+) chi phí trả trước	12		(20.646.355)	20.022.247
- Tăng (-), giảm (+) chứng khoán kinh doanh	13		-	9.011.289.000
- Tiền lãi vay đã trả	14		-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.10	(1.738.124.755)	(200.000.000)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(231.300.000)	(1.800.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		16.590.046.835	8.044.798.709
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21		-	-
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TSDH khác	22		3.618.063.636	72.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(23.100.000.000)	(8.100.000.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		11.900.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(7.897.500.000)	(25.910.100.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	9.353.250.000
7. Tiền thu từ lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		11.172.445.288	27.070.802.534
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(4.306.991.076)	2.486.679.807

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm 2021	Năm 2020
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của CSH	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		-	-
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		-	-
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(23.159.148.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(23.159.148.000)	-
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+ 30 + 40)	50		(10.876.092.241)	10.531.478.516
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		11.208.912.233	677.433.717
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	V.1	332.819.992	11.208.912.233

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI LẬP BIỂU


Mai Thị Trúc Giang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quang Khoa

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

1. Thành lập

Công ty Cổ phần Công nghệ Sài Gòn Viễn Đông (gọi tắt là "Công ty") là công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0300716891, đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 12 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, nay là Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 16 ngày 08 tháng 10 năm 2020 về việc tăng vốn điều lệ.

Hình thức sở hữu vốn: Công ty cổ phần niêm yết chứng khoán.

Tên tiếng anh: SAI GON VIEN DONG TECHNOLOGY JOINT STOCK COMPANY.

Tên viết tắt: SAVITECH JSC.

Mã chứng khoán: SVT (Niêm yết HOSE).

Trụ sở chính: Số 102A, đường Phó Cơ Điều, phường 4, quận 11, TP. Hồ Chí Minh.

2. Lĩnh vực kinh doanh: Sản xuất công nghiệp; Kinh doanh thương mại, dịch vụ.

3. Ngành nghề kinh doanh

Giáo dục trung học phổ thông; Giáo dục trung học cơ sở; Giáo dục tiểu học; Giáo dục mẫu giáo; Giáo dục nhà trẻ; Đào tạo nghề; Giáo dục trung học chuyên nghiệp; Đào tạo trung cấp; Đào tạo cao đẳng (không hoạt động tại trụ sở); Đào tạo ngoại ngữ, tin học; Tư vấn du học.

Kinh doanh nhà. Cho thuê văn phòng, mặt bằng, kho bãi

Sản xuất sản phẩm cơ khí, thủ công mỹ nghệ; Sản xuất điện tử; Sản xuất nhựa (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải kim loại-nhựa, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất thủy tinh, gốm, sứ, chế biến gỗ tại trụ sở). Sản xuất mực in; Sản xuất giấy, các sản phẩm từ giấy, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn, sản xuất bột giấy tại trụ sở). Mua bán nguyên vật liệu, sản phẩm cơ khí, nhựa. Mua bán giấy, các sản phẩm từ giấy, mực in, vật tư, thiết bị cho ngành giấy, ngành in. Dịch vụ thiết kế các thiết bị phục vụ sản xuất. Thiết kế thiết bị, vật tư kỹ thuật, chuyển giao công nghệ ngành giấy, ngành in. Chế tạo, sửa chữa các thiết bị phục vụ sản xuất; Chế tạo, lắp đặt thiết bị, vật tư kỹ thuật, công nghệ ngành giấy, ngành in (trừ: gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện, sơn hàn tại trụ sở). Gia công các sản phẩm kim loại.

Sản xuất điện máy, điện lạnh.

Mua bán ô tô, phụ tùng thay thế; Mua bán xe gắn máy, phụ tùng thay thế. Sản xuất xe gắn máy, phụ tùng thay thế; Sản xuất ô tô, phụ tùng thay thế; Sản xuất linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe gắn máy; Sản xuất linh kiện, phụ tùng thay thế cho xe đạp; Sản xuất xe đạp, phụ tùng thay thế. Lắp ráp, bảo trì, sửa chữa xe đạp, xe máy (không gia công cơ khí, tái chế phế thải, xi mạ điện tại trụ sở).

4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh của Công ty kéo dài trong vòng 12 tháng theo năm tài chính thông thường bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 đến ngày 31 tháng 12.

5. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính: Không.

6. Tổng số nhân viên đến ngày 31 tháng 12 năm 2021: 08 nhân viên. (Ngày 31 tháng 12 năm 2020: 09 nhân viên)

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Cấu trúc doanh nghiệp**7.1 Danh sách các công ty liên kết**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có hai (02) công ty liên kết như sau:

Tên Công ty và địa chỉ	Hoạt động chính	Giá trị vốn góp	Tỷ lệ sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Giấy Toàn Lực	Mua bán các loại giấy công nghiệp, giấy xuất bản, giấy văn phòng, giấy mỹ thuật và các loại giấy chuyên dụng khác.	71.464.500.000	35,77%	35,77%
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Giáo dục và đào tạo	19.260.000.000	30,00%	30,00%

7.2 Danh sách các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Chi nhánh Học Môn: 3/19 ấp Đình, Xã Tân Xuân, Huyện Hóc Môn, TP. Hồ Chí Minh.

8. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc có thể so sánh được giữa các năm tài chính tương ứng.

II. NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**1. Niên độ kế toán**

Niên độ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đồng Việt Nam (VND) được sử dụng làm đơn vị tiền tệ để ghi sổ kế toán.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam theo hướng dẫn tại Thông tư số 200/2014/TT-BTC được Bộ Tài chính Việt Nam ban hành ngày 22/12/2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán.

Chúng tôi đã thực hiện công việc kế toán lập và trình bày báo cáo tài chính theo các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan. Báo cáo tài chính đã được trình bày một cách trung thực và hợp lý về tình hình tài chính, kết quả kinh doanh và các luồng tiền của doanh nghiệp.

Việc lựa chọn số liệu và thông tin cần phải trình bày trong bản Thuyết minh báo cáo tài chính được thực hiện theo nguyên tắc trọng yếu quy định tại chuẩn mực kế toán Việt Nam số 21 "Trình bày Báo Cáo Tài Chính".

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

2. Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chính**Nguyên tắc kế toán đối với các khoản cho vay**

Các khoản cho vay là các khoản cho vay bằng hợp đồng, thỏa thuận vay giữa 2 bên với mục đích thu lãi hàng kỳ và được ghi nhận theo giá gốc trừ các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào mức ước tính cho phần giá trị bị tổn thất đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách vay không có khả năng thanh toán.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Khoản đầu tư vào các công ty liên kết được ghi nhận khi Công ty nắm giữ từ 20% đến dưới 50% quyền biểu quyết của các công ty được đầu tư, có ảnh hưởng đáng kể trong các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động tại các công ty này.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, sau đó không được điều chỉnh theo những thay đổi của phần sở hữu của các nhà đầu tư trong tài sản thuần của bên nhận đầu tư. Giá gốc bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi doanh nghiệp nhận vốn góp đầu tư bị lỗ dẫn đến Công ty có khả năng mất vốn hoặc khi giá trị các khoản đầu tư vào liên kết bị suy giảm giá trị. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản Công ty đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm giá mua và các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Khoản đầu tư mà Công ty nắm giữ lâu dài (không phân loại là chứng khoán kinh doanh) và không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư, việc lập dự phòng tổn thất được thực hiện như sau:

+ Khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư. Căn cứ để trích lập dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác là báo cáo tài chính hợp nhất của công ty được đầu tư (nếu công ty này là công ty mẹ), là báo cáo tài chính của công ty được đầu tư (nếu công ty này là doanh nghiệp độc lập không có công ty con).

3. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu: theo giá gốc trừ dự phòng cho các khoản phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải thu.

Phương pháp lập dự phòng phải thu khó đòi: dự phòng phải thu khó đòi được ước tính cho phần giá trị bị tổn thất của các khoản nợ phải thu và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác có bản chất tương tự các khoản phải thu khó có khả năng thu hồi đã quá hạn thanh toán, chưa quá hạn nhưng có thể không đòi được do khách nợ không có khả năng thanh toán vì lâm vào tình trạng phá sản, đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn...

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho: Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc (-) trừ dự phòng giảm giá và dự phòng cho hàng tồn kho lỗi thời, mất phẩm chất.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm giá mua, chi phí vận chuyển và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho (tiếp theo)**Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho:** Theo giá bình quân gia quyền.**Hạch toán hàng tồn kho:** Phương pháp kê khai thường xuyên.**Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho:** Dự phòng cho hàng tồn kho được trích lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính trừ đi chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí bán hàng ước tính. Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của chúng. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.**5. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định (TSCĐ)****5.1 Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng theo dự tính. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí trong kỳ.

Khi tài sản cố định được bán hoặc thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh từ việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

5.2 Phương pháp khấu hao TSCĐ

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản. Thời gian hữu dụng ước tính là thời gian mà tài sản phát huy được tác dụng cho sản xuất kinh doanh.

Thời gian hữu dụng ước tính của các TSCĐ như sau:

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 25 năm
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	5 - 10 năm

6. Nguyên tắc ghi nhận chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để mua sắm mới tài sản cố định, xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng hay trang bị lại kỹ thuật công trình như: Chi phí khảo sát địa chất, chi phí tư vấn, chi phí lập bản vẽ,...

Chi phí này được kết chuyển ghi tăng tài sản khi công trình hoàn thành, việc nghiệm thu tổng thể đã thực hiện xong, tài sản được bàn giao và đưa vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

7. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao bất động sản đầu tư**Nguyên tắc ghi nhận Bất động sản đầu tư:** được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi (-) giá trị hao mòn lũy kế.**Nguyên giá của bất động sản đầu tư:** Là toàn bộ các chi phí bằng tiền hoặc tương đương tiền mà doanh nghiệp phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó.**Phương pháp khấu hao Bất động sản đầu tư:** khấu hao được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư đó.**Thời gian hữu dụng ước tính của các bất động sản đầu tư như sau:**

Nhà xưởng, vật kiến trúc	5 - 50 năm
--------------------------	------------

8. Nguyên tắc kế toán các hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC)

Công ty ghi nhận các khoản mang đi góp vốn vào BCC ban đầu theo giá gốc và phản ánh là nợ phải thu khác.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

BCC phân chia lợi nhuận

BCC quy định các bên khác tham gia BCC được hưởng một khoản lợi nhuận cố định mà không phụ thuộc vào kết quả kinh doanh của hợp đồng, trường hợp này mặc dù hình thức pháp lý của hợp đồng là BCC nhưng bản chất của hợp đồng là thuê tài sản, do đó Công ty ghi nhận doanh thu cho thuê tài sản đối với khoản được chia từ BCC.

9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước

Chi phí trả trước tại Công ty bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động kinh doanh của nhiều năm tài chính, bao gồm: chi phí công cụ dụng cụ.

Phương pháp phân bổ: Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ theo phương pháp đường thẳng. Căn cứ vào tính chất và mức độ từng loại chi phí mà có thời gian phân bổ như sau: chi phí trả trước ngắn hạn phân bổ trong vòng 12 tháng; chi phí trả trước dài hạn phân bổ từ 12 tháng đến 36 tháng.

10. Nguyên tắc ghi nhận nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được ghi nhận theo nguyên giá và không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

Công ty thực hiện phân loại các khoản nợ phải trả là phải trả người bán, phải trả khác tùy thuộc theo tính chất của giao dịch phát sinh hoặc quan hệ giữa công ty và đối tượng phải trả.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Tại thời điểm lập báo cáo tài chính, Công ty ghi nhận ngay một khoản phải trả khi có các bằng chứng cho thấy một khoản tồn thất có khả năng chắc chắn xảy ra theo nguyên tắc thận trọng.

11. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm chi phí kiểm toán,... đã phát sinh trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả. Các chi phí này được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả theo các hợp đồng.

12. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**Nguyên tắc ghi nhận vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được hình thành từ số tiền đã góp vốn ban đầu, góp bổ sung của các cổ đông. Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp bằng tiền hoặc bằng tài sản tính theo mệnh giá của cổ phiếu đã phát hành khi mới thành lập, hoặc huy động thêm để mở rộng quy mô hoạt động của Công ty.

Nguyên tắc ghi nhận thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần: Phản ánh khoản chênh lệch tăng giữa giá phát hành cổ phiếu so với mệnh giá khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung cổ phiếu và chênh lệch tăng, giảm giữa số tiền thực tế thu được so với giá mua lại khi tái phát hành cổ phiếu quỹ. Trường hợp mua lại cổ phiếu để hủy bỏ ngay tại ngày mua thì giá trị cổ phiếu được ghi giảm nguồn vốn kinh doanh tại ngày mua là giá thực tế mua lại và cũng phải ghi giảm nguồn vốn kinh doanh chi tiết theo mệnh giá và phần thặng dư vốn cổ phần của cổ phiếu mua lại.

Nguyên tắc ghi nhận lợi nhuận chưa phân phối

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối được ghi nhận là số lợi nhuận (hoặc lỗ) từ kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty sau khi trừ (-) chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của kỳ hiện hành và các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán, điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Việc phân phối lợi nhuận được căn cứ vào điều lệ Công ty và thông qua Đại hội đồng cổ đông hàng năm.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận Doanh thu và thu nhập khác**Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn 5 điều kiện sau: 1. Doanh nghiệp đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua; 2. Doanh nghiệp không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa; 3. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại sản phẩm, hàng hóa (trừ trường hợp trả lại dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác); 4. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; 5. Xác định được các chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện: 1. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh nghiệp chỉ được ghi nhận doanh thu khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp; 2. Doanh nghiệp đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó; 3. Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày lập bảng Cân đối kế toán; 4. Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Nếu không thể xác định được kết quả hợp đồng một cách chắc chắn, doanh thu sẽ chỉ được ghi nhận ở mức có thể thu hồi được của các chi phí đã được ghi nhận.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu hoạt động tài chính phản ánh doanh thu từ tiền lãi, cổ tức, lợi nhuận được chia và doanh thu hoạt động tài chính khác của doanh nghiệp (thanh lý các khoản đầu tư vốn).

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia của doanh nghiệp được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời 2 điều kiện: 1. Có khả năng thu được lợi ích từ giao dịch đó; 2. Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

- Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

- Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi cổ đông được quyền nhận cổ tức hoặc các bên tham gia góp vốn được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

Khi không thể thu hồi một khoản mà trước đó đã ghi vào doanh thu thì khoản có khả năng không thu hồi được hoặc không chắc chắn thu hồi được đó phải hạch toán vào chi phí phát sinh trong kỳ, không ghi giảm doanh thu.

14. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán phản ánh trị giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ và các chi phí khác được ghi nhận vào giá vốn hoặc ghi giảm giá vốn trong kỳ báo cáo. Giá vốn được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa. Giá vốn hàng bán và doanh thu được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp.

15. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí tài chính bao gồm: Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính và các khoản chi phí tài chính khác.

Khoản chi phí tài chính được ghi nhận chi tiết cho từng nội dung chi phí khi thực tế phát sinh trong kỳ và được xác định một cách đáng tin cậy khi có đầy đủ bằng chứng về các khoản chi phí này.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

16. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế TNDN hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành.

Các khoản thuế phải nộp ngân sách nhà nước sẽ được quyết toán cụ thể với cơ quan thuế. Chênh lệch giữa số thuế phải nộp theo sổ sách và số liệu kiểm tra quyết toán sẽ được điều chỉnh khi có quyết toán chính thức với cơ quan thuế.

Năm 2021, Công ty tính nộp thuế TNDN theo thuế suất 20%.

Công ty đã được thanh tra, kiểm tra thuế đến năm 2010.

17. Nguyên tắc ghi nhận lãi trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách lấy lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty sau khi trừ đi phần Quỹ khen thưởng và phúc lợi được trích lập trong kỳ chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ.

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận hoặc lỗ sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông của Công ty (sau khi đã điều chỉnh cho cổ tức của cổ phiếu ưu đãi có quyền chuyển đổi) cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong kỳ và số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông sẽ được phát hành trong trường hợp tất cả các cổ phiếu phổ thông tiềm năng có tác động suy giảm đều được chuyển thành cổ phiếu phổ thông.

18. Công cụ tài chính

Ghi nhận ban đầu:

Tài sản tài chính

Theo thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 6 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210"), tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, thành tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền, tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các khoản cho vay.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư 210, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả khác.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Hiện tại không có yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên các báo cáo tài chính nếu, và chỉ nếu, đơn vị có quyền hợp pháp thi hành việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

19. Các bên liên quan

Các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân, trực tiếp hay gián tiếp qua một hay nhiều trung gian, có quyền kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát của Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm giữ quyền biểu quyết và có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty, những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Tổng Giám đốc, Hội đồng Quản trị, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết hoặc những công ty liên kết với cá nhân này cũng được coi là các bên liên quan. Trong việc xem xét từng mối quan hệ giữa các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú ý chứ không phải là hình thức pháp lý.

20. Nguyên tắc trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ riêng lẻ, một nhóm các sản phẩm hoặc các dịch vụ có liên quan mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một bộ phận có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác. Công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý vì hoạt động kinh doanh thực hiện trên cùng lãnh thổ Việt Nam.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

1. Tiền và các khoản tương đương tiền	31/12/2021	01/01/2021
Tiền	332.819.992	11.208.912.233
Tiền mặt	3.440.277	6.032.712
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	329.379.715	11.202.879.521
Cộng	332.819.992	11.208.912.233

2. Các khoản đầu tư tài chính: xem trang 30-31.

3. Phải thu của khách hàng	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	21.000.000	(21.000.000)	61.000.000	(21.000.000)
Bên liên quan	-	-	40.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	-	-	40.000.000	-
Khách hàng khác	21.000.000	(21.000.000)	21.000.000	(21.000.000)
Cộng	21.000.000	(21.000.000)	61.000.000	(21.000.000)

4. Phải thu về cho vay	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
a. Ngắn hạn	22.500.000.000	-	14.400.000.000	-
Bên liên quan	22.500.000.000	-	14.400.000.000	-
+ Công ty CP In và DVTM Khánh Hội (i)	22.500.000.000	-	14.400.000.000	-
b. Dài hạn	11.200.000.000	-	8.100.000.000	-
Bên liên quan	-	-	8.100.000.000	-
+ Công ty CP In và DVTM Khánh Hội (i)	-	-	8.100.000.000	-

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

**4. Phải thu về cho vay
(tiếp theo)**

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Các đối tượng khác	11.200.000.000	-	-	-
- Công ty CP Tac Paritas (ii)	11.200.000.000	-	-	-
Cộng	33.700.000.000	-	22.500.000.000	-

(i) Khoản tiền Công ty cho Công ty CP In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội vay trong thời hạn 02 năm kể từ ngày giải ngân để kinh doanh xuất nhập khẩu giấy thương mại với lãi suất tối thiểu 7%/năm trên số tiền cho vay theo các Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh. Các khoản cho vay này đều được thu lãi định kỳ và đầy đủ. Trong kỳ, các hợp đồng vay đến hạn được tiếp tục gia hạn và giữ nguyên các điều khoản ban đầu.

(ii) Khoản tiền Công ty cho Công ty CP Tac Paritas vay trong thời hạn 02 năm kể từ ngày giải ngân để kinh doanh xuất nhập khẩu giấy thương mại với lãi suất tối thiểu 7%/năm trên số tiền cho vay theo các Hợp đồng cho vay vốn kinh doanh. Các khoản cho vay này đều được thu lãi định kỳ và đầy đủ.

5. Phải thu khác

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	26.002.892.191	(5.000.000)	22.860.780.333	(5.000.000)
Tạm ứng	-	-	418.005	-
Ký quỹ	5.000.000	(5.000.000)	5.000.000	(5.000.000)
Phải thu khác, bên liên quan	25.718.409.999	-	22.855.362.328	-
- Công ty CP Giấy Toàn Lực (cổ tức)	19.230.400.000	-	-	-
- Công ty CP Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ (doanh thu BCC, cổ tức) (*)	5.393.010.000	-	11.680.000.000	-
+ Phải thu từ doanh thu BCC	420.000.000	-	6.705.000.000	-
+ Phải thu cổ tức	4.973.010.000	-	4.975.000.000	-
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (doanh thu BCC)	120.000.000	-	1.240.000.000	-
- Công ty CP In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội (lãi cho vay)	974.999.999	-	582.112.328	-
- Ông Nguyễn Minh Hùng (phải thu về chuyển nhượng khoản đầu tư)	-	-	9.353.250.000	-
Phải thu khác, các đối tượng khác	279.482.192	-	-	-
- Công ty CP TAC Paritas (lãi cho vay)	279.482.192	-	-	-
Cộng	26.002.892.191	(5.000.000)	22.860.780.333	(5.000.000)

6. Hàng tồn kho

	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	-	-	198.195.896	(137.332.259)
Công cụ, dụng cụ	-	-	202.205.269	(202.205.269)
Cộng				

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

7. Tài sản dở dang dài hạn	31/12/2021		01/01/2021	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Xây dựng cơ bản dở dang (*)	834.212.730	-	834.212.730	-
<i>Trường Việt Mỹ - khối nhà số 2 tại địa chỉ số 252 Lạc Long Quân, Quận 11, TP. Hồ Chí Minh</i>	834.212.730	-	834.212.730	-
Cộng	834.212.730	-	834.212.730	-

Lý do không hoàn thành trong một chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường: Công trình này đang trong giai đoạn chờ xét duyệt các hồ sơ pháp lý của các cơ quan có thẩm quyền và hoàn thiện phương án đầu tư cụ thể.

8. Tài sản cố định hữu hình: Xem trang 32.

9. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư cho thuê

Khoản mục	Nhà cửa	Thiết bị, dụng cụ quản lý		Tổng cộng
Nguyên giá				
Số dư đầu năm	21.444.491.910	1.420.704.291		22.865.196.201
Số dư cuối năm	21.444.491.910	1.420.704.291		22.865.196.201
Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	6.862.237.440	1.420.704.291		8.282.941.731
<i>Khấu hao trong năm</i>	857.779.680	-		857.779.680
Số dư cuối năm	7.720.017.120	1.420.704.291		9.140.721.411
Giá trị còn lại				
Số dư đầu năm	14.582.254.470	-		14.582.254.470
Số dư cuối năm	13.724.474.790	-		13.724.474.790

* Quyền sở hữu tài sản gắn liền với đất tại thửa đất số 24, tờ bản đồ số 3, địa chỉ số 252 Lạc Long Quân, Phường 10, Quận 11, Tp. Hồ Chí Minh được dùng để thế chấp cho Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BIDV) – Chi nhánh Bình Tây Sài Gòn để đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Giấy Toàn Lực theo Hợp đồng thế chấp bằng bất động sản của bên thứ ba số 25/2016/2317695/HĐBĐ. Giá trị còn lại của tài sản này tại thời điểm ngày 31/12/2021 là 13.724.474.790 VND.

* Nguyên giá BĐSĐT đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê: 1.420.704.291 VND.

10. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số thuế phải nộp tại ngày 01/01/2021	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số thuế phải nộp tại ngày 31/12/2021
	Thuế giá trị gia tăng	21.883.054	664.746.493	676.939.879
Thuế thu nhập doanh nghiệp	642.124.755	1.402.360.738	1.738.124.755	306.360.738
Thuế thu nhập cá nhân	4.640.000	724.783.037	727.663.037	1.760.000
Thuế nhà đất	-	16.915.896	16.915.896	-
Các loại thuế khác	-	3.000.000	3.000.000	-
Cộng	668.647.809	2.811.806.164	3.152.643.567	1.756.730.406

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Phải trả khác		31/12/2021	01/01/2021
Ngắn hạn			
Kinh phí công đoàn		-	10.716.500
Các khoản phải trả, phải nộp khác		328.404.919	195.430.619
- <i>Thù lao HDQT, BKS</i>		316.973.000	188.000.000
- <i>Khác</i>		11.431.919	7.430.619
Cộng		328.404.919	206.147.119
12. Vốn chủ sở hữu			
a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu: xem trang 33.			
b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu	Tỷ lệ vốn góp	31/12/2021	01/01/2021
Công ty CP Đầu tư Phát triển Thương mại Viễn Đông	33,3%	38.526.470.000	38.526.470.000
Công ty CP Giấy Toàn Lực	7,4%	8.572.970.000	8.572.970.000
Bà Lê Thị Minh Giang	5,4%	6.237.770.000	6.237.770.000
Các cổ đông khác	53,9%	62.458.530.000	62.458.530.000
Cộng	100,0%	115.795.740.000	115.795.740.000
c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức		Năm 2021	Năm 2020
Vốn góp của chủ sở hữu		115.795.740.000	115.795.740.000
<i>Vốn góp đầu năm</i>		115.795.740.000	105.269.370.000
<i>Vốn góp tăng trong năm</i>		-	10.526.370.000
<i>Vốn góp giảm trong năm</i>		-	-
<i>Vốn góp cuối năm</i>		115.795.740.000	115.795.740.000
Cổ tức đã chia		(23.159.148.000)	(10.526.370.000)
(*) Năm 2021, Công ty đã chia cổ tức bằng tiền với tỷ lệ 20%/mệnh giá.			
Hồ sơ công bố thông tin bao gồm: Nghị quyết số 06/NQ-HDQT ngày 20/9/2021 của Hội đồng Quản trị về việc triển khai thực hiện việc chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền mặt.			
d. Cổ tức		Năm 2021	Năm 2020
Cổ tức đã công bố sau ngày kết thúc niên độ			
<i>Cổ tức đã công bố trên cổ phiếu thường</i>		20%	10%
đ. Cổ phiếu		31/12/2021	01/01/2021
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		11.579.574	10.526.937
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng		11.579.574	11.579.574
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		11.579.574	11.579.574
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành		11.579.574	11.579.574
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>		11.579.574	11.579.574
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: đồng Việt Nam/cổ phiếu.		10.000	10.000
e. Các quỹ của doanh nghiệp		31/12/2021	01/01/2021
Quỹ đầu tư phát triển		5.350.969.208	5.350.969.208
Cộng		5.350.969.208	5.350.969.208

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp và được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư chiều sâu của doanh nghiệp.

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

	Năm 2021	Năm 2020
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ		
a. Doanh thu		
Doanh thu bán hàng hóa	106.266.280.969	85.388.142.504
Doanh thu cung cấp dịch vụ	2.727.272.724	2.727.272.724
Cộng	108.993.553.693	88.115.415.228
b. Doanh thu đối với các bên liên quan	Năm 2021	Năm 2020
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	436.363.632	436.363.632
Công ty CP Giấy Toàn Lực	-	17.705.805.079
Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ	2.290.909.092	2.290.909.092
Công ty CP In và Dịch vụ Thương mại Khánh Hội	26.886.730.549	8.139.150.400
Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	19.870.972.200	14.200.972.801
Cộng	49.484.975.473	42.773.201.004
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Năm 2021	Năm 2020
Doanh thu thuần bán hàng hóa	106.266.280.969	85.388.142.504
Doanh thu thuần cung cấp dịch vụ	2.727.272.724	2.727.272.724
Cộng	108.993.553.693	88.115.415.228
3. Giá vốn hàng bán	Năm 2021	Năm 2020
Giá vốn của hàng hóa đã bán	105.971.801.643	84.772.780.909
Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	940.824.588	940.824.588
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(339.537.528)	(1.190.363)
Cộng	106.573.088.703	85.712.415.134
4. Doanh thu hoạt động tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.912.445.651	1.086.801.650
Cổ tức, lợi nhuận được chia	28.160.779.500	26.316.391.952
Cộng	31.073.225.151	27.403.193.602
5. Chi phí tài chính	Năm 2021	Năm 2020
Lỗ do thanh lý các khoản đầu tư tài chính	-	2.365.499.365
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	-	(6.763.509.726)
Chi phí tài chính khác	27.140.909	36.521.745
Cộng	27.140.909	(4.361.488.616)
6. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm 2021	Năm 2020
a. Chi phí bán hàng		
Chi phí nhân viên	206.016.758	309.469.296
Chi phí vật liệu, bao bì	-	118.878
Chi phí khấu hao TSCĐ	28.664.568	28.664.568
Chi phí bằng tiền khác	9.577.998	6.850.372

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

b. Chi phí quản lý doanh nghiệp		
Chi phí nhân viên	980.076.022	945.544.246
Chi phí đồ dùng văn phòng	34.598.696	20.712.247
Thuế, phí, lệ phí	3.000.000	3.000.000
Trích lập (Hoàn nhập) dự phòng phải thu khó đòi	-	(29.114.000)
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.252.356	217.164.862
Chi phí bằng tiền khác	109.604.388	99.802.194
Cộng	1.346.531.462	1.257.109.549
7. Thu nhập khác	Năm 2021	Năm 2020
Nhuận bán TSCĐ	3.618.063.636	72.727.273
Các khoản khác	90.910	31.309.094
Cộng	3.618.154.546	104.036.367
8. Chi phí khác	Năm 2021	Năm 2020
Các khoản bị phạt thuế, truy thu thuế	-	94.270.598
Các khoản khác	2.555.909	995.455
Cộng	2.555.909	95.266.053
9. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố	Năm 2021	Năm 2020
Chi phí nhân công	1.186.092.780	1.255.013.542
Chi phí khấu hao tài sản cố định	952.573.260	952.573.260
Chi phí dịch vụ mua ngoài	219.252.356	217.164.862
Chi phí khác bằng tiền	173.696.978	147.399.587
Cộng	2.531.615.374	2.572.151.251
10. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	Năm 2021	Năm 2020
1. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	35.491.357.083	32.574.239.963
2. Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định thu nhập chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	(28.479.553.391)	(26.310.914.057)
Các khoản điều chỉnh tăng:	20.763.637	126.378.360
- Trích lập dự phòng phải thu khó đòi	-	5.000.000
- Trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	-	85.158.196
- Các khoản không hóa đơn chứng từ, bị phạt thuế	20.763.637	36.220.164
Các khoản điều chỉnh giảm:	28.500.317.028	26.437.292.417
- Thu nhập từ cổ tức	28.160.779.500	26.316.391.952
- Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	-	34.114.000
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	339.537.528	86.348.559
- Hoàn nhập dự phòng đầu tư dài hạn (công ty không niêm yết)	-	437.906
3. Thu nhập tính thuế năm hiện hành	7.011.803.692	6.263.325.906
4. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (20%)	1.402.360.738	1.252.665.181
5. Chi phí thuế TNDN được giảm theo Nghị định 114/2020/NĐ-CP (mức giảm: 30%)	-	375.799.554
6. Các khoản điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm nay	-	-
7. Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành (4-5-6)	1.402.360.738	876.865.627

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

11. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm 2021	Năm 2020
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	34.088.996.345	31.697.374.336
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm	-	(633.946.000)
- Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	(633.946.000)
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	34.088.996.345	31.063.428.336
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	11.579.574	11.579.574
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	2.944	2.683
Lãi suy giảm trên cổ phiếu (**)	2.944	2.683

(*) Trong năm, công ty áp dụng thông tư 200/2014/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành ngày 22 tháng 12 năm 2014, hướng dẫn việc điều chỉnh hồi tố để tính lại lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 do ảnh hưởng của việc phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 số 01NQ/SVT-ĐHĐCĐ ngày 23/4/2021 đã thông qua.

(**) Không có tác động nào làm suy giảm các cổ phiếu phổ thông tại ngày 31 tháng 12 năm 2021.

12. Mục tiêu và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Các rủi ro chính từ công cụ tài chính bao gồm rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản
Ban Tổng Giám đốc xem xét và áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

12.1 Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường có ba loại rủi ro: rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác, chẳng hạn như rủi ro về giá cổ phần. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản nợ, tiền gửi, các khoản đầu tư sẵn sàng để bán.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Tổng Giám đốc giả định rằng độ nhạy của các công cụ nợ sẵn sàng để bán trên bảng cân đối kế toán và các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng. Phép phân tích này được dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường. Rủi ro thị trường do thay đổi lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến khoản tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn của Công ty.

Công ty quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được các lãi suất có lợi cho mục đích của Công ty và vẫn nằm trong giới hạn quản lý rủi ro của mình.

Độ nhạy đối với lãi suất

Độ nhạy của các khoản tiền, khoản cho vay của Công ty đối với sự thay đổi có thể xảy ra ở mức độ hợp lý trong lãi suất được thể hiện như sau.

Với giả định là các biến số khác không thay đổi, các biến động trong lãi suất của các khoản tiền, cho vay với lãi suất thả nổi có ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế của Công ty như sau:

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	Tăng/ giảm điểm cơ bản	Ảnh hưởng đến lợi nhuận trước thuế
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021		
VND	+100	340.328.200
	-100	(340.328.200)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020		
VND	+200	674.178.245
	-200	(674.178.245)

Mức tăng/ giảm điểm cơ bản sử dụng để phân tích độ nhạy đối với lãi suất được giả định dựa trên các điều kiện có thể quan sát được của thị trường hiện tại. Các điều kiện này cho thấy mức biến động cao hơn không đáng kể so với các kỳ trước.

12.2 Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng khách hàng không thực hiện các nghĩa vụ của mình, dẫn đến tổn thất về tài chính. Công ty có rủi ro tín dụng từ các hoạt động sản xuất kinh doanh của mình (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và từ hoạt động tài chính của mình, bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác.

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt công ty thường xuyên theo dõi chặt chẽ nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Công ty chủ yếu duy trì số tiền gửi tại các ngân hàng lớn có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

12.3 Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền và các khoản vay ngân hàng ở mức mà Ban Tổng Giám đốc cho là đủ để đáp ứng cho các hoạt động của Công ty và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng theo cơ sở chưa được chiết khấu:

Ngày 31 tháng 12 năm 2021	Dưới 1 năm	Từ 1-5 năm	Trên 5 năm	Tổng cộng
Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả	26.000.000	-	-	26.000.000
Cộng	26.000.000	-	-	26.000.000
Ngày 31 tháng 12 năm 2020				
Các khoản phải trả, phải nộp khác, chi phí phải trả	25.000.000	-	-	25.000.000
Cộng	25.000.000	-	-	25.000.000

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Tài sản đảm bảo

Công ty đã sử dụng quyền sử dụng tài sản trên đất để làm tài sản đảm bảo cho khoản vay của Công ty CP Giấy Toàn Lực tại ngân hàng (Thuyết minh số V.9 - Bất động sản đầu tư).

Công ty không nắm giữ bất kỳ tài sản đảm bảo nào của bên thứ ba vào ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020.

13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính: Xem trang 34.

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Các khoản giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai.

	Năm 2021	Năm 2020
- Tăng vốn từ việc phát hành cổ phiếu để chia cổ tức	-	10.526.370.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**1. Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác**

Không có các khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các báo cáo tài chính.

2. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện quan trọng nào xảy ra kể từ ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải có các điều chỉnh hoặc thuyết minh trong các Báo cáo tài chính.

3. Giao dịch với các bên liên quan

Các giao dịch trọng yếu và số dư với các bên liên quan trong năm như sau:

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt	Công ty liên kết	Doanh thu phân chia BCC	436.363.632	120.000.000
		Thu tiền phân chia BCC	1.640.000.000	
		Góp vốn cổ phần	7.897.500.000	
Công ty CP Giấy Toàn Lực	Công ty liên kết	Mua hàng	92.563.400.478	
		Trả tiền hàng	100.951.426.271	
		Cổ tức được chia	23.076.480.000	19.230.400.000
		Thu tiền cổ tức	3.846.080.000	
Công ty Cổ Phần Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ	Đầu tư dài hạn	Doanh thu phân chia từ BCC	2.290.909.092	420.000.000
		Thu tiền phân chia từ BCC	8.805.000.000	
		Cổ tức được chia	4.973.010.000	4.973.010.000
		Thu tiền cổ tức	4.975.000.000	

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

3. Giao dịch với các bên liên quan (tiếp theo)

Bên liên quan	Mối quan hệ	Tính chất giao dịch	Phát sinh trong năm	Số dư cuối năm phải thu (phải trả)
Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô	Đầu tư dài hạn	Bán hàng hóa	19.870.972.200	
		Thu tiền hàng	21.535.915.580	
		Thu tiền cổ tức năm 2020	111.289.500	
Công ty CP In và DVTM Khánh Hội	Đầu tư dài hạn	Cho vay	-	22.500.000.000
		Lãi cho vay	1.574.999.999	974.999.999
		Thu lãi cho vay	1.182.112.328	
		Bán hàng hóa	26.886.730.549	
		Thu tiền hàng	29.242.341.849	

+ Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc

	Năm 2021	Năm 2020
Bùi Quang Khoa - Chủ tịch Hội đồng Quản trị	-	-
Phạm Thị Như Ngọc - Tổng Giám đốc	130.000.000	50.600.000
Thù lao Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc	188.000.000	104.000.000
Cộng	318.000.000	154.600.000

4. Trình bày tài sản, doanh thu, kết quả kinh doanh theo bộ phận

Ban Tổng Giám đốc của Công ty xác định rằng, việc ra các quyết định quản lý của Công ty chủ yếu dựa trên các loại sản phẩm, dịch vụ mà Công ty cung cấp chứ không dựa trên khu vực địa lý mà Công ty cung cấp sản phẩm, dịch vụ. Do vậy báo cáo chính yếu của Công ty là theo lĩnh vực kinh doanh.

4.1 Báo cáo bộ phận chính yếu: theo lĩnh vực kinh doanh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Kinh doanh giấy thương mại; cho thuê kho, mặt bằng; đầu tư tài chính. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh giấy thương mại	106.266.280.969	105.971.801.643	294.479.326
Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	-	-	-
Cho thuê kho, mặt bằng (BCC)	2.727.272.724	940.824.588	1.786.448.136
Cộng	108.993.553.693	106.912.626.231	2.080.927.462

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty báo cáo hoạt động theo các bộ phận kinh doanh: Kinh doanh giấy thương mại; sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp; cho thuê kho, mặt bằng; đầu tư tài chính. Công ty phân tích chi tiết các chỉ tiêu theo bộ phận như sau:

Bộ phận	Doanh thu thuần	Giá vốn	Lãi gộp
Kinh doanh giấy thương mại	85.388.142.504	84.772.780.909	615.361.595
Sản xuất thiết bị phụ tùng xe máy, xe đạp	-	(1.190.363)	1.190.363
Cho thuê kho, mặt bằng (BCC)	2.727.272.724	940.824.588	1.786.448.136
Cộng	88.115.415.228	85.712.415.134	2.403.000.094

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

4.2 Báo cáo bộ phận thứ yếu: theo khu vực địa lý

Công ty chỉ có trụ sở tại địa bàn thành phố Hồ Chí Minh, vì vậy, công ty không trình bày thuyết minh báo cáo bộ phận.

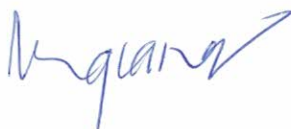
5. Thông tin so sánh

Một số chỉ tiêu đầu năm trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 được trình bày lại cho phù hợp với Chuẩn mực kế toán và Thông tư kế toán áp dụng cho năm hiện hành. Sự thay đổi là do do ảnh hưởng của việc phân phối quỹ khen thưởng phúc lợi, thù lao HĐQT và Ban Kiểm soát năm 2020 theo Nghị quyết của Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 số 01NQ/SVT-ĐHĐCĐ ngày 08/4/2021 đã thông qua.

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2020		Chênh lệch
		Số đã trình bày	Số trình bày lại	
Trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh				
Lãi cơ bản trên cổ phiếu		2.737	2.683	55
Lãi suy giảm trên cổ phiếu		2.737	2.683	55

6. Thông tin về hoạt động liên tục: Công ty vẫn tiếp tục hoạt động trong tương lai.

TP. Hồ Chí Minh, ngày 28 tháng 3 năm 2022

KẾ TOÁN TRƯỞNG/NGƯỜI LẬP BIỂU


Mai Thị Trúc Giang

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Bùi Quang Khoa

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

	31/12/2021			01/01/2021				
	Số lượng (tỷ lệ)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Số lượng (tỷ lệ)	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Các khoản đầu tư tài chính								
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác								
Đầu tư vào công ty liên kết		90.724.500.000	-	90.724.500.000		82.827.000.000	-	59.185.500.000
- Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo dục Hoàng Việt (a)	2.106.000 CP (30,00%)	19.260.000.000		19.260.000.000	1.316.250 CP (30,00%)	11.362.500.000		8.325.000.000
- Công ty CP Giấy Toàn Lực (b)	5.494.400 CP (35,77%)	71.464.500.000		71.464.500.000	5.494.400 CP (35,77%)	71.464.500.000		50.860.500.000
Đầu tư vào đơn vị khác		19.749.822.652	-	19.749.822.652		19.749.822.652	-	19.749.822.652
- Công ty CP Chè Minh Rồng (c)	34.506 CP (1,77%)	1.215.000.000		1.215.000.000	34.506 CP (1,77%)	1.215.000.000		1.215.000.000
- Công ty CP Chè Cà Phê Di Linh (d)	20.000 CP (0,90%)	600.432.652		600.432.652	20.000 CP (0,90%)	600.432.652		600.432.652
- Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô (e)	222.579 CP (4,95%)	2.225.790.000		2.225.790.000	222.579 CP (4,95%)	2.225.790.000		2.225.790.000
- Công ty CP In và DV TM Khánh Hội (f)	150.000 CP (4,7%)	1.500.000.000		1.500.000.000	150.000 CP (14,09%)	1.500.000.000		1.500.000.000
- Công ty CP Văn Hóa Giáo Dục Việt Mỹ (g)	1.420.860 CP (15,79%)	14.208.600.000		14.208.600.000	1.420.860 CP (15,79%)	14.208.600.000		14.208.600.000
Cộng		110.474.322.652	-	110.474.322.652		102.576.822.652	-	78.935.322.652

- Tình hình hoạt động của các công ty liên kết trong năm:

a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0306213397 đăng ký lần đầu ngày 28 tháng 01 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đăng ký đầu tư vào Công ty CP Đầu tư Phát triển Giáo Dục Hoàng Việt là 2.106.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh lỗ nhưng lợi nhuận lũy kế dương.

b) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0305623305 đăng ký lần đầu ngày 27 tháng 02 năm 2008 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Giấy Toàn Lực là 5.494.400 cổ phiếu, tương đương 35,77% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.

G TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
N THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

làm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Mẫu số B 09 - DN

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)

- Tình hình hoạt động của các công ty đầu tư dài hạn trong năm:

- (c) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800468371 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Chè Minh Rồng là 34.506 cổ phiếu, tương đương 1,77% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.
- (d) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 5800468981 đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 12 năm 2005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lâm Đồng cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Chè Cà phê Di Linh là 20.000 cổ phiếu, tương đương 0,90% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.
- (e) Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 1800531192 đăng ký lần đầu ngày 22 tháng 9 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Cần Thơ cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Sách và Dịch vụ Văn hóa Tây Đô là 222.579 cổ phiếu, tương đương 4,95% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.
- (f) Theo giấy chứng nhận doanh nghiệp số 0300494021 đăng ký lần đầu ngày 26 tháng 7 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP in và DVTM Khánh Hội là 150.000 cổ phiếu, tương đương 4,7% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.
- (g) Theo giấy chứng nhận kinh doanh số 0305072778 đăng ký lần đầu ngày 05 tháng 7 năm 2007, do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hồ Chí Minh cấp, Công ty đầu tư vào Công ty CP Văn hóa Giáo dục Việt Mỹ là 1.420.860 cổ phiếu, tương đương 15,79% vốn điều lệ. Tình hình hoạt động kinh doanh năm 2021: Công ty kinh doanh có lãi, lợi nhuận lũy kế dương.
- Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các khoản đầu tư vào công ty liên kết, các Công ty này chưa niêm yết nên chưa có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư xác định bằng tỷ lệ phần trăm sở hữu trong tổng giá trị tài sản thuần của các công ty liên kết tại ngày báo cáo.
- Giá trị hợp lý tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 của các khoản đầu tư dài hạn khác vào các Công ty chưa niêm yết nên chưa có giá tham chiếu tin cậy trên thị trường, đến thời điểm hiện tại vẫn chưa có hướng dẫn cụ thể và thống nhất về phương pháp xác định giá trị hợp lý trong kế toán. Do vậy, Công ty trình bày giá trị hợp lý của các khoản đầu tư theo giá gốc ban đầu có điều chỉnh khoản suy giảm đầu tư và thuyết minh rõ tình hình hoạt động kinh doanh của đơn vị.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIÊN ĐÔNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

ho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.8. Tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Tổng cộng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	4.623.076.544	5.041.678.102	254.934.905	92.780.000	1.115.336.624	11.127.806.175
Thanh lý	-	(5.041.678.102)	-	-	(940.780.870)	(5.982.458.972)
Số dư cuối năm	4.623.076.544	-	254.934.905	92.780.000	174.555.754	5.145.347.203
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	4.229.080.560	5.041.678.102	254.934.905	92.780.000	1.115.336.624	10.733.810.191
Khấu hao trong năm	94.793.580	-	-	-	-	94.793.580
Thanh lý	-	(5.041.678.102)	-	-	(940.780.870)	(5.982.458.972)
Số dư cuối năm	4.323.874.140	-	254.934.905	92.780.000	174.555.754	4.846.144.799
Giá trị còn lại						
Số dư đầu năm	393.995.984	-	-	-	-	393.995.984
Số dư cuối năm	299.202.404	-	-	-	-	299.202.404

* Giá trị còn lại của tài sản cố định hữu hình đã dùng để thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: không có.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: VND.

* Nguyên giá tài sản cố định hữu hình cuối năm chờ thanh lý: không có.

* Các cam kết về việc mua, bán tài sản cố định hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: không có.

* Các thay đổi khác về Tài sản cố định hữu hình: không có.

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

V.12. Vốn chủ sở hữu

a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu tại ngày 01/01/2020	105.269.370.000	4.800.000.000	5.350.969.208	26.977.315.450	142.397.654.658
- Tăng vốn	10.526.370.000	-	-	(10.526.370.000)	-
- Lợi nhuận năm 2020	-	-	-	31.697.374.336	31.697.374.336
- Trích quỹ KTPL năm 2019	-	-	-	(104.000.000)	(104.000.000)
- Thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát năm 2019	-	-	-	(104.000.000)	(104.000.000)
Số dư cuối tại ngày 31/12/2020	115.795.740.000	4.800.000.000	5.350.969.208	47.940.319.786	173.887.028.994
Số dư đầu tại ngày 01/01/2021	115.795.740.000	4.800.000.000	5.350.969.208	47.940.319.786	173.887.028.994
- Lợi nhuận năm 2021	-	-	-	34.088.996.345	34.088.996.345
- Chia cổ tức năm 2020	-	-	-	(23.159.148.000)	(23.159.148.000)
- Trích quỹ KTPL năm 2020	-	-	-	(316.973.000)	(316.973.000)
- Thù lao HĐQT & Ban Kiểm soát năm 2020	-	-	-	(316.973.000)	(316.973.000)
Số dư cuối tại ngày 31/12/2021	115.795.740.000	4.800.000.000	5.350.969.208	58.236.222.131	184.182.931.339

CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ SÀI GÒN VIỄN ĐÔNG
ẢNH THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu số B 09 - DN

Báo cáo tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị tính: Đồng Việt Nam

1.13. Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

Bảng dưới đây trình bày giá trị ghi sổ và giá trị hợp lý của các công cụ tài chính được trình bày trong báo cáo tài chính của Công ty.

	Giá trị ghi sổ				Giá trị hợp lý	
	31/12/2021		31/12/2020		31/12/2021	31/12/2020
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng		
Tài sản tài chính						
- Phải thu khách hàng	21.000.000	(21.000.000)	61.000.000	(21.000.000)	-	40.000.000
- Phải thu về cho vay	33.700.000.000	-	22.500.000.000	-	33.700.000.000	22.500.000.000
- Phải thu khác	545.000.000	(5.000.000)	7.950.000.000	(5.000.000)	540.000.000	7.945.000.000
- Tiền và các khoản tương đương tiền	332.819.992	-	11.208.912.233	-	332.819.992	11.208.912.233
TỔNG CỘNG	34.598.819.992	(26.000.000)	41.719.912.233	(26.000.000)	34.572.819.992	41.693.912.233
Nợ phải trả tài chính						
- Phải trả khác	26.000.000	-	25.000.000	-	26.000.000	25.000.000
TỔNG CỘNG	26.000.000	-	25.000.000	-	26.000.000	25.000.000

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị mà công cụ tài chính có thể chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên tham gia, ngoại trừ trường hợp bất buộc phải bán hoặc thanh lý.

Công ty sử dụng phương pháp và giá định sau đây được dùng để ước tính giá trị hợp lý:

Giá trị hợp lý của tiền mặt và tiền gửi ngân hàng, các khoản phải thu khách hàng, các khoản phải trả người bán và nợ phải trả ngắn hạn khác tương đương với giá trị ghi sổ của các khoản mục này do những công cụ này có kỳ hạn ngắn.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán và các công cụ nợ tài chính niêm yết được xác định theo giá trị thị trường.

Giá trị hợp lý của các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính mà giá trị hợp lý không thể xác định được một cách chắc chắn do không có thị trường có tính thanh khoản cao cho các chứng khoán, các khoản đầu tư tài chính này được trình bày bằng giá trị ghi sổ.

Ngoại trừ các khoản đề cập ở trên, giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính dài hạn chưa được đánh giá và xác định một cách chính thức vào ngày 31 tháng 12 năm 2020 và 31 tháng 12 năm 2021. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính này không có khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ vào ngày kết thúc năm tài chính.

